

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN X
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HS-ST

Ngày: 23/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Kim Toan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Công Tiên

2. Ông Lê Hoàng Tua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L Chi – Thư ký Tòa án nhân dân quận X, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trương Nhật Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận X, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thị T.** Giới tính: Nữ. Sinh năm: 1987; Nơi sinh: Đồng Tháp. Nơi cư trú: 91/54/15 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận X, thành phố Cần Thơ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán. Họ và tên cha: Huỳnh Văn Phục, sinh năm 1962. Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1962. Có 01 người chị. Chồng: Đinh Quốc Vinh, sinh năm 1986. Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 04/6/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: 71/8 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận **X**, thành phố Cần Thơ. *Có mặt*

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: 314/17B/7 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận **X**, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt*

- Bà **Nguyễn Thị BT**, sinh năm: 1991. Nơi thường trú: E5, đường Lê Hồng Phong, khu vực 2, phường **X**, quận **X**, TP. Cần Thơ. Nơi ở hiện tại: khu vực 1, phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ. *Vắng mặt*

- Bà **Hà thị D**, sinh năm 1954. Nơi thường trú: khóm 3, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: Nhà trọ Không số đường Nguyễn Thị Tạo, khu vực Bình Trung, phường Long Hòa, quận **X**, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt*

- Bà **Phạm Bé H**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: 314/32A đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, quận **X**, thành phố Cần Thơ. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua nguồn tin tố giác của nhân dân về đối tượng **Huỳnh Thị T** sinh sống tại khu vực phường An Thới, quận **X**, thành phố Cần Thơ có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận **X**, thành phố Cần Thơ đã tiến hành mời **T** về trụ sở để làm việc.

Tại cơ quan điều tra **Huỳnh Thị T** khai nhận: để có thêm thu nhập, **T** có trực tiếp đứng ra cho một số cá nhân vay tiền với lãi suất cao từ 15% đến 20%/ tháng, trả lãi hàng tháng hoặc góp gốc lãi theo ngày, chỉ lấy lãi vay chứ không thu thêm khoản phí nào khác. Khi cho vay, **T** không có làm hợp đồng với người vay, giao dịch bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của **T** có số tài khoản 1020643139 tại ngân hàng Vietcombank hoặc giao dịch bằng tiền mặt tại nhà của **T**. Từ tháng 3/2023 đến tháng 03/2024, **T** đã cho 05 cá nhân vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Phương L: từ tháng 03/2023 đến tháng 11/2023 T đã cho bà L vay tổng cộng 12 lần với tổng số tiền là 175.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng hoặc góp gốc và lãi theo ngày. Bà L đã trả cho T tổng cộng 81.143.940 đồng tiền lãi và 3.106.060 đồng nợ gốc, hiện còn nợ tiền gốc là 171.893.940 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 9.016.667 đồng, T hưởng lợi 72.127.273 đồng. Cụ thể từng lần như sau:

- Lần 1: Ngày 21/4/2023 vay 35.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 07 tháng tiền lãi là $5.250.000 \text{ đồng} \times 7 = 36.750.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 35.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 4.083.333 đồng, T hưởng lợi 32.666.667 đồng.

- Lần 2: Ngày 12/5/2023 vay 15.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 06 tháng tiền lãi là $2.250.000 \text{ đồng} \times 6 = 13.500.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 15.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 1.500.000 đồng, T hưởng lợi 12.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 25/6/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 05 tháng tiền lãi là $1.500.000 \text{ đồng} \times 5 = 7.500.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000. Số tiền lãi thu đúng quy định là 833.333 đồng, T hưởng lợi 6.666.667 đồng.

- Lần 4: Ngày 03/7/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 04 tháng tiền lãi là $1.500.000 \text{ đồng} \times 4 = 6.000.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền thu đúng quy định là 666.667 đồng, T hưởng lợi 5.333.333 đồng.

- Lần 5: Ngày 21/7/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 04 tháng tiền lãi là $1.500.000 \text{ đồng} \times 4 = 6.000.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 666.667 đồng, T hưởng lợi 5.333.333 đồng.

- Lần 6: Ngày 10/8/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 03 tháng tiền lãi là $1.500.000 \text{ đồng} \times 3 = 4.500.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc

10.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 500.000 đồng, **T** hưởng lợi 4.000.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 30/8/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 02 tháng tiền lãi là $1.500.000 \text{ đồng} \times 2 = 3.000.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 333.333 đồng, **T** hưởng lợi 2.666.667 đồng.

- Lần 8: Ngày 28/9/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 01 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 166.667 đồng, **T** hưởng lợi 1.333.333 đồng.

- Lần 9: Ngày 29/9/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 01 tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng thì không đóng nữa, vẫn còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 166.667 đồng, **T** hưởng lợi 1.333.333 đồng.

- Lần 10: Ngày 30/10/2023 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), chưa đóng lãi được tháng nào, cũng không trả nợ gốc, **T** không thu lợi.

- Lần 11: Ngày 16/11/2023 vay 30.000.000 đồng với thời hạn 66 ngày, lãi suất 0,4848%/ngày, tương đương 174,5448%/ năm (vượt 8,7272 lần mức lãi suất quy định) đã đóng được 5 ngày với tiền lãi là $145.455 \times 5 = 727.273 \text{ đồng}$, tiền gốc là $454.545 \text{ đồng} \times 5 = 2.274.000 \text{ đồng}$, hiện còn nợ tiền gốc 27.727.723 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 83.333 đồng, **T** hưởng lợi 643.940 đồng.

- Lần 12: Ngày 26/11/2023 vay 15.000.000 đồng với thời hạn 36 ngày, lãi suất 0,5555%/ngày, tương đương 200%/ năm (vượt 10 lần mức lãi suất quy định), đã đóng được 02 ngày với tiền lãi là $83.334 \text{ đồng} \times 2 = 166.667 \text{ đồng}$, gốc là $416.666 \text{ đồng} \times 2 = 833.333 \text{ đồng}$, hiện còn nợ tiền gốc 14.166.667 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 16.667 đồng, **T** hưởng lợi 150.000 đồng.

2. Bà **Hà thị D**: Tháng 4/2023 vay 3.000.000 đồng, lãi suất 15%/ tháng, tương đương 180%/ năm (vượt 9 lần mức lãi suất quy định), đóng được 07 tháng tiền lãi là $450.000 \text{ đồng} \times 7 = 3.150.000 \text{ đồng}$ thì không đóng nữa, cũng không trả nợ gốc. Hiện bà Dung vẫn nợ **T** số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 350.000 đồng, **T** hưởng lợi 2.800.000 đồng.

3. Bà **Nguyễn Thị H**: Ngày 09/01/2024 vay 2.000.000 đồng với thời hạn 23 ngày, lãi suất 0,6521%/ngày, tương đương 234,7826%/ năm (vượt 11,7391 lần mức lãi suất quy định), đã trả đủ gốc và lãi với số tiền 2.300.000 đồng, số tiền lãi thu đúng quy định là 25.556 đồng, **T** hưởng lợi 274.444 đồng.

4. Bà **Nguyễn Thị BT**: Ngày 05/01/2024 vay 15.000.000 đồng với thời hạn 35 ngày, lãi suất 0,4762%/ngày, tương đương 171,4285%/ năm (vượt 8,5714 lần mức lãi suất quy định), đã trả đủ lãi và gốc với số tiền 17.500.000 đồng, số tiền lãi thu đúng quy định là 291.667 đồng, **T** hưởng lợi 2.208.333 đồng.

Ngày 11/01/2024 vay 20.000.000 đồng với thời hạn 55 ngày, lãi suất 0,681%/ngày, tương đương 245,4545%/ năm (vượt 12,2727 lần mức lãi suất quy định), đã trả đủ lãi và gốc với số tiền 27.500.000 đồng, số tiền lãi thu đúng quy định là 611.111 đồng, **T** hưởng lợi 6.888.889 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay này, **T** hưởng lợi số tiền 9.907.222 đồng. Sau đó, đầu tháng 4/2024 do nhận thức được việc lấy tiền lãi vay của Tuyền cao nên **T** có trả lại cho Tuyền 2.000.000 đồng.

5. Bà Phạm Thị Bé Hai: Tháng 3/2023 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 20%/ tháng, tương đương 240%/ năm (vượt 12 lần mức lãi suất quy định), đóng được 01 tháng tiền lãi là 1.000.000 đồng thì không đóng lãi nữa, sau đó bà Bé Hai thỏa thuận với **T** không trả lãi nữa mà chỉ trả dần tiền gốc mỗi tháng 500.000 đồng. Tính đến tháng 6/2024, bà Bé Hai đã trả cho **T** được 1.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại tiền gốc là 3.500.000 đồng. Số tiền lãi thu đúng quy định là 83.333 đồng, **T** hưởng lợi 916.667 đồng.

Theo mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/ năm, tương đương 1,66%/tháng thì hoạt động cho vay tiền của **T** với lãi suất từ 15% đến 20%/tháng hoặc góp gốc và lãi theo ngày đã cao hơn từ 8,5714 lần đến 12,2727 lần so với lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền vốn bị cáo đã bỏ ra cho vay là 220.000.000 đồng, số tiền gốc bị can đã nhận là 41.606.060 đồng, tổng số tiền lãi đã nhận là 95.593.940 đồng, trong đó **T** thu lợi bất chính số tiền 85.215.606 đồng.

Trong quá trình điều tra, **Huỳnh Thị T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị can là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thu thập được.

Đối với điện thoại di động **T** sử dụng để liên lạc và chuyển tiền cho vay đã bị hư hỏng, **T** đã bán điện thoại này nên không giao nộp được cho Cơ quan điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT-VKSBT ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận **X** truy tố **Huỳnh Thị T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thống nhất với nội dung Bản cáo truy tố đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: thừa nhận có vay tiền của bị cáo như nội dung cáo trạng, xin trả dần cho bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức pháp luật. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo **Huỳnh Thị T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 201, điều 36, điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Thị T** phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị T** 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% - 15% thu nhập hàng tháng nộp vào ngân sách nhà nước

Miễn hình phạt bổ sung do hoàn cảnh bị cáo khó khăn

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đề nghị:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 220.000.000 đồng, phần lãi suất nằm trong mức quy định cho phép là 10.063.334 đồng. Trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu được do vượt quá lãi suất quy định theo từng trường hợp cụ thể.

- Đối với bị cáo **Huỳnh Thị T**: Đề nghị Buộc nộp tiền lãi thu đúng quy định của những người vay là 10.063.334 đồng sung vào công quỹ Nhà nước; nộp số tiền gốc đã nhận từ những người vay là 41.606.060 đồng sung vào công quỹ Nhà nước; trả lại cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền lãi thu vượt mức quy định là 274.444 đồng; trả lại cho bà **Nguyễn Thị BT** số tiền lãi thu vượt mức quy định là 9.097.222 đồng, ghi nhận việc **T** đã trả lại cho bà Tuyền 2.000.000 đồng trong giai đoạn điều tra nên **T**

còn phải trả cho bà Tuyên 7.097.222 đồng; nộp tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 85.215.606 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Cán trừ số tiền **T** thu lợi phải trả cho bà **Nguyễn Thị H** và **Nguyễn Thị BT**, **T** còn phải nộp tiền thu lợi là: 85.215.606 đồng - 274.444 đồng - 9.097.222 đồng = 75.843.940 đồng.

- Đối với những người liên quan:

+ Buộc **Nguyễn Thị L** nộp số tiền gốc còn nợ là 171.893.940 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Bà **L** được nhận lại tiền lãi đã đóng vượt mức quy định là 72.127.273 đồng. Như vậy bà **L** còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước 171.893.940 đồng – 72.127.273 đồng = 99.766.667 đồng.

+ Buộc **Hà thị D** nộp số tiền gốc còn nợ là 3.000.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Bà **Dung** được nhận lại tiền lãi đã đóng vượt mức quy định là 2.800.000 đồng. Như vậy bà **L** còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước 3.000.000 đồng – 2.800.000 đồng = 200.000 đồng.

+ Buộc **Phạm Thị Bé Hai** nộp số tiền gốc còn nợ là 3.500.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Bà **Hai** được nhận lại tiền lãi đã đóng vượt mức quy định là 916.667 đồng. Như vậy bà **Hai** còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước 3.500.000 đồng – 916.667 đồng = 2.583.333 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: không có. Về xử lý vật chứng: không có

Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận **X**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận **X**, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận để có thêm thu nhập, **T** có trực tiếp đứng ra cho một số cá nhân vay tiền với lãi suất cao từ 15% đến 20%/ tháng, trả lãi hàng tháng hoặc góp gốc lãi theo ngày, chỉ lấy lãi vay chứ không thu thêm khoản phí nào khác. Khi cho vay, **T** không có làm hợp đồng với người vay, giao dịch bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của **T** có số tài khoản 1020643139 tại ngân hàng Vietcombank hoặc giao dịch bằng tiền mặt tại nhà của **T**. Từ tháng 3/2023 đến tháng 03/2024, **T** đã cho 05 cá nhân vay tiền với lãi suất cao. Theo mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự là 20%/ năm, tương đương 1,66%/tháng thì hoạt động cho vay tiền của **T** với lãi suất từ 15% đến 20%/tháng hoặc góp gốc và lãi theo ngày đã cao hơn từ 8,5714 lần đến 12,2727 lần so với lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền vốn bị cáo đã bỏ ra cho vay là 220.000.000 đồng, số tiền gốc bị can đã nhận là 41.606.060 đồng, tổng số tiền lãi đã nhận là 95.593.940 đồng, trong đó **T** thu lợi bất chính số tiền 85.215.606 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vya, làm cho người vay phải chịu lãi suất cao so với quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo mang tính chất bóc lột làm cho người vay đã khó khăn càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận **X** truy tố bị cáo **Huỳnh Thị T** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]Về hình phạt: từ nhận định trên cho thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung xã hội. Do đó Đề

ngiht mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không phạt bổ sung bị cáo **Huỳnh Thị T**. Bị cáo đang nuôi mẹ già và 02 con nhỏ đang đi học, thu nhập bị cáo không ổn định nên k khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5]Về xử lý vật chứng: không có thu giữ vật chứng.

[6]Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Căn cứ: khoản 1 Điều 201; Điều 36, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố: **Huỳnh Thị T** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: **Huỳnh Thị T** 01(một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận X nhận được Quyết định Thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường An Thới và gia đình giám sát bị cáo trong thời gian thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo, không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 220.000.000 đồng, phần lãi suất nằm trong mức quy định cho phép là 10.063.334 đồng. Trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu được do vượt quá lãi suất quy định theo từng trường hợp cụ thể.

* Đối với **Huỳnh Thị T**:

- Buộc nộp tiền lãi thu đúng quy định của những người vay là 10.063.334 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc nộp số tiền gốc đã nhận từ những người vay là 41.606.060 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

- Buộc trả lại cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền lãi thu vượt mức quy định là 274.444 đồng.

- Buộc trả lại cho bà **Nguyễn Thị BT** 7.097.222 đồng.

- Buộc nộp tiền thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay 75.843.940 đồng.

* Đối với những người liên quan:

+ Buộc **Nguyễn Thị L** nộp số tiền gốc còn nợ 99.766.667 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Buộc **Hà thị D** nộp số tiền gốc còn nợ là 2000.000 đồng sung vào công quỹ Nhà nước. phải nộp vào ngân sách Nhà nước 3.000.000 đồng – 2.800.000 đồng = 200.000 đồng.

+ Buộc Phạm Thị Bé Hai nộp số tiền gốc còn nợ là 2583.333 đồng sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: không có

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Bị cáo Trương Đình Tuấn phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt kể từ ngày nhận BA để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND QBT; VKSND TPCT
- TAND TPCT
- CQ CSĐT CA QBT
- NTG CAQBT TPCT.
- Chi cục THADS QBT
- Sở Tư pháp TPCT
- Bị cáo, người TGTT khác
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Kim Toan